

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HC-ST

Ngày: 23 - 8 - 2021

V/v “Khởi kiện quyết định hành chính
về quản lý đất đai và quản lý rừng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương
Ông Đầu Khắc Dinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chính - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 7 và ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-HC ngày 23/3/2020 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai và quản lý rừng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HC ngày 15 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-HC ngày 29 tháng 6 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2021/QĐST-HC ngày 21 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1964, có mặt.

Địa chỉ: Đường Đại Khôi, Phố 8, P. Đông Cương, Thành phố X, Thanh Hóa.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND thành phố X.

Đ/c: Đường N, phường H, thành phố X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Huy T – Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê M – Chức vụ: Phó chủ tịch; vắng mặt.

(Theo Quyết định về việc ủy quyền số 3577/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của Chủ tịch UBND thành phố X).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Văn X – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố X - vắng mặt.

(Theo Quyết định về việc cử người bảo vệ quyền và lợi ích số 3574/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của Chủ tịch UBND thành phố X).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Hạt kiểm lâm thành phố X

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, thành phố X

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H – Chức vụ: Hạt trưởng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Khắc K – Chức vụ: Phó hạt trưởng

(Theo Giấy ủy quyền ngày 12/8/2020 của hạt trưởng hạt kiểm lâm thành phố X), vắng mặt.

- UBND phường R, thành phố X

Đ/c: Phường R, thành phố X, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Tr – Chức vụ: Phó chủ tịch, vắng mặt.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 17/7/2020 của Chủ tịch UBND phường R)

- UBND phường T, thành phố X

Đ/c: Phường T, thành phố X, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn M – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: Công chức địa chính – xây dựng, vắng mặt.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 23/6/2021 của Chủ tịch UBND phường T)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện là ông Lê Văn Đ trình bày:*

Về nguồn gốc diện tích đất mà ông đang quản lý sử dụng là đất trống, đồi núi trọc, lịch sử là đất hoang, thời điểm sử dụng từ trước và trong năm 1990. Mục đích sử dụng: đất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp kết hợp với trồng trọt và chăn nuôi, địa chỉ khu đất thuộc khu vực Đồng Thông và Đồng Thẳng cùng 1 khu nhưng thuộc UBND phường R và UBND phường T quản lý. Năm 1990 ông có đơn xin UBND phường R cho sử dụng để phủ xanh đồi núi trọc.

Năm 2010 hai cán bộ Kiểm Lâm Thanh Hóa xác nhận việc đã chỉ khu đất mà ông đã trồng rừng từ năm 1990 đến nay.

+ Đến năm 1993, ông đã tham gia dự án PAM số 4304 của tổ chức lương thực thế giới, chỉ đạo thực hiện dự án là phòng kinh tế thị xã Thanh Hóa. Thực hiện dự án tại phường R do chủ nhiệm HTX nông nghiệp làm chủ nhiệm PAM. Mục đích của dự án là phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, kết hợp mục tiêu kinh tế, giải quyết công ăn việc làm thu nhập bền vững, xóa đói giảm nghèo, tạo cảnh quan

môi trường sinh thái, chống lũ lụt, hạn hán, được dự án PAM tài trợ 2,8kg gạo/1 nhân công, quá trình thanh toán không có giấy tờ gì mà tất cả chỉ là nói bằng miệng và ông cũng không có giấy tờ gì cung cấp cho Tòa án.

+ Đầu năm 2017, UBND thành phố X có chủ trương trưng dụng diễn tập phòng thủ đất rừng tại phường R và phường T. Theo đó UBND Thành phố có quyết định thu hồi tạm thời rừng đặc dụng, khi đó ông không hợp tác nên sau một thời gian UBND thành phố X có 01 quyết định thu hồi rừng Hàm Rồng và rừng Thiệu Dương. Sau khi có quyết định này ông cũng không hợp tác, và sau đó có nhiều Văn bản của UBND thành phố X về giải phóng mặt bằng nhưng ông vẫn không hợp tác. Đến ngày 30/5/2017, UBND thành phố X có quyết định thu hồi các Quyết định và văn bản hành chính trên, đồng thời ra quyết định trưng dụng số 4980 ngày 30/5/2017 về việc trưng dụng toàn bộ diện tích đất và rừng của ông.

Sau khi có Quyết định này ông hoàn toàn hợp tác với UBND thành phố X về kiểm kê tài sản và giải phóng mặt bằng.

Đến giai đoạn 1 năm sau (2018) ông khai thác gỗ trên diện tích đất thu hồi, ông xác định số gỗ này là của ông nhưng UBND thành phố X đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4860/QĐ-XPVPHC ngày 18/6/2018 là phạt tiền và thu hồi toàn bộ gỗ của ông. Do không đồng ý với quyết định 4860/QĐ-XPVPHC nên ông khiếu nại đề nghị hủy quyết định này. Đến ngày 27/9/2019, UBND thành phố X ban hành quyết định số 8469/QĐ-UBND theo đó không đồng ý nội dung khiếu nại của ông vì vậy ông khởi kiện đề nghị Tòa án hủy quyết định số 8469/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 (đính chính lại theo theo quyết định số 9927/QĐ-UBND ngày 05/11/2019). Buộc UBND thành phố X bồi thường thiệt hại như sau: Bồi thường nhiều lần thành lập đoàn vào ngăn cản gây thiệt hại tới nhân công, máy móc phải dừng lại không hoạt động sản xuất được; bồi thường toàn bộ tài sản (gỗ lần 1 = $3,312\text{m}^3$ + lần 2 = $7,429\text{m}^3$).

Việc khai thác số gỗ $3,312\text{m}^3$ gỗ keo nằm trên địa bàn phường T, không thuộc UBND phường R, ông xác định là đất rừng của ông và cây do ông trồng nên ông được phép khai thác vì nguồn gốc lịch sử từ những năm 2008, 2010, 2012 và năm 2017 ông khai thác cũng bị thu hồi sau đó xác định đó là đất của ông và cây do ông trồng nên đã bồi thường khi thu hồi và trả lại khi nhà nước thu hồi của ông.

- Đối với yêu cầu đề nghị hủy quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 16/4/2019: Về thời điểm sử dụng toàn bộ diện tích đất $24.292,5\text{m}^2$ của ông có nguồn gốc sử dụng như khu đất trên, diện tích này nằm toàn bộ trên địa bàn phường R. Năm 2017 nhà nước cũng trưng dụng như dự án PAM, đến năm 2017 cũng trưng dụng để làm khu diễn tập quân sự, đến năm 2018 ông làm đơn đề nghị khai thác lâm sản trên khu đất ông đã trồng. Sau khi khai thác xong ông tiếp tục quy hoạch cải tạo, đầu tư san lấp mặt bằng để tiếp tục trồng lại cây. Khi đang cải tạo từ đất trống đồi núi trọc chưa xong, gia đình nhà ông Lương Trọng Thắng sang tranh chấp với ông, UBND thành phố X đã giải quyết và có Kết luận số 603 ngày 12/02/2019 theo đó UBND thành phố X xác định đất đó không phải của ông, do đó

ông khiếu nại Kết luận số 603. Đến ngày 16/4/2019 UBND thành phố X đã ra quyết định số 3193/QĐ-UBND, theo đó không chấp nhận khiếu nại của ông, vì vậy ông đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố X và buộc UBND thành phố X bồi thường thiệt hại gây ra gồm: Hàng chục nhân công thường xuyên không thực hiện lao động được. Phương tiện máy móc sản xuất (Ô tô, máy móc sản xuất) thường xuyên không triển khai thực hiện được gây hậu quả nghiêm trọng trong bồi thường các ca máy. Cây giống không triển khai làm đất được lỗ thời vụ (hỏng và chết hàng loạt gây thiệt hại) gồm Đào 500 cây, Mít 300 cây, Vú sữa 300 cây.

Người bị kiện trình bày:

1. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8469/QĐ-UBND, ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố X.

Quyết định số 8469/QĐ-UBND, ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố X về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Đ, phố 8, phường Đông Cương. Nội dung khiếu nại của ông Đ gồm: Ông Lê Văn Đ khiếu nại Quyết định số 4860/QĐ-XPVPHC, ngày 18/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố X về việc xử phạt vi phạm hành chính (đối với ông). Yêu cầu thu hồi hủy bỏ quyết định; trả lại tài sản đã thu hồi cho gia đình ông.

Ngày 07/8/2018, UBND thành phố thành lập Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 7167/QĐ-UBND để xác minh nội dung khiếu nại của ông Lê Văn Đ.

Ngày 27/9/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 8469/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Đ. Nội dung Quyết định nêu rõ: Ông Lê Văn Đ khiếu nại, yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Quyết định số: 4860/QĐ-XPVPHC, ngày 18/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố X về việc xử phạt vi phạm hành chính và trả lại tài sản đã thu hồi cho gia đình ông là không có cơ sở.

2. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3193/QĐ-UBND, ngày 16/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố X.

Quyết định số 3193/QĐ-UBND, ngày 16/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố X về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Đ, phố 8, phường Đông Cương. Nội dung khiếu nại của ông Đ: Ông Lê Văn Đ yêu cầu UBND thành phố thu hồi, hủy bỏ Kết luận số 603/KL-UBND, ngày 12/02/2019 của Chủ tịch UBND thành phố X và công nhận quyền sử dụng đất khu đất ông đang cải tạo, san lấp tại đồng Thăng, đồng Choe, phường R do ông đã sử dụng đất để trồng cây từ trước năm 1993.

Ngày 04/01/2019, UBND thành phố thành lập Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 250/QĐ-UBND để Kiểm tra việc sử dụng đất của ông Lê Văn Đ, phố 8, phường Đông Cương tại xứ đồng Thăng, đồng Choe, phường R.

Ngày 16/4/2019, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3193/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Đ. Nội dung Quyết định nêu rõ: Ông Lê Văn Đ khiếu nại, yêu cầu UBND thành phố thu hồi, hủy bỏ Kết luận số 603/KL-UBND, ngày 12/02/2013 của Chủ tịch UBND thành phố X về kiểm tra việc sử dụng đất của ông Lê Văn Đ tại khu vực Đồng Thăng, Đồng Choe, phường R là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Đại diện UBND phường R trình bày: Về nguồn gốc đất rừng của gia đình ông Đ không có một giấy tờ gì liên quan. Về trồng rừng là của người dân trồng trong đó có gia đình ông Đ, nếu Nhà nước trưng dụng đất của gia đình ông Đ thì khi thu hồi phải bồi thường giá trị cây cho gia đình ông Đ, tuy nhiên phải xem xét việc Nhà nước tài trợ khi thực hiện dự án (dự án PAM), đề nghị Tòa án xem xét thêm các hợp đồng này về tỷ lệ % hưởng lợi để giải quyết theo quy định của pháp luật. Nay ông Đ khởi kiện đề nghị hủy 02 Quyết định trên, tôi thấy không có cơ sở, đề nghị tòa án giải quyết giữ nguyên 02 Quyết định này.

- Ý kiến Hạt kiểm lâm thành phố X: Về nguồn gốc đất của ông Đ thì ông Đ không có một giấy tờ gì chứng minh. Đối với việc trồng rừng và khai thác rừng, dù cây là của cá nhân hay của Nhà nước thì khi khai thác phải xin phép và được các cấp có thẩm quyền cho phép khai thác mới được khai thác. Về nội dung khởi kiện của ông Đ, Hạt kiểm lâm đã có văn bản ý kiến số 95/HKL-TTTrPC ngày 04/8/2020 gửi Tòa án. Chúng tôi xác định đây là rừng đặc dụng nên khi khai thác của các cá nhân, tổ chức đều phải thực hiện đúng Nghị định 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính Phủ về tổ chức quản lý rừng đặc dụng. Nay ông Đ khởi kiện, chúng tôi đề nghị Tòa án giữ nguyên các Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố X.

- Đại diện UBND phường T trình bày: Hiện nay UBND phường không có hồ sơ liên quan đến việc khiếu nại và các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc khởi kiện của ông Lê Văn Đ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai tiếp cận tài liệu, chứng cứ và tiến hành đối thoại theo quy định của luật tố tụng hành chính, nhưng các bên không thống nhất được cách giải quyết, do đó vụ án được đưa ra xét xử theo trình tự sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông Lê Văn Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường tài sản gỗ bị thu hồi lần 2 là 7,429m³. Đề nghị Tòa án hủy quyết định số 8469/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 (đính chính lại theo theo quyết định số 9927/QĐ-UBND ngày 05/11/2019). Buộc UBND thành phố X bồi thường thiệt hại như sau: Bồi thường nhiều lần thành lập đoàn vào ngăn cản gây thiệt hại tới nhân công, máy móc phải dừng lại không hoạt động sản xuất được; bồi thường tài sản là số gỗ lần 1 là 3,312m³. Hủy Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 và buộc UBND Thành phố X bồi thường thiệt hại gây ra gồm: Hàng chục nhân công

thường xuyên không thực hiện lao động được. Phương tiện máy móc sản xuất (Ô tô, máy móc sản xuất) thường xuyên không triển khai thực hiện được gây hậu quả nghiêm trọng trong bồi thường các ca máy. Cây giống không triển khai làm đất được lỗ thời vụ (hông và chết hàng loạt gây thiệt hại) gồm Đào 500 cây, Mít 300 cây, vú sữa 300 cây.

Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức đối thoại, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính (viết tắt Luật TTHC).

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ; không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn Đ và ông Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14 (có Bản phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng:

[1]. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Hạt kiểm lâm thành phố X, UBND phường R và UBND phường T đã có đơn xin xử vắng mặt; căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 Luật TTHC Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính: Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 và Quyết định số 8469/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 (đính chính lại theo theo quyết định số 9927/QĐ-UBND ngày 05/11/2019) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố X về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Đ là Quyết định hành chính của người có thẩm quyền về việc quản lý đất đai. Người khởi kiện nộp đơn trong thời hạn 01 năm kể từ ngày nhận được Quyết định nên còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Về quyền khởi kiện của ông Lê Văn Đ: Các Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố X; Quyết định số 8469/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 (đính chính lại theo theo quyết định số 9927/QĐ-UBND

ngày 05/11/2019) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố X liên quan đến quyền lợi của ông Đ nên ông Đ có quyền khởi kiện; theo khoản 2 Điều 3 Luật TTHC.

[4] Tại phiên tòa ông Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường 7,429m³ gỗ. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu mà ông Đ đã rút; căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính.

[5]. Xét yêu cầu của người khởi kiện:

[5.1]. Đối với Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 16/4/2019:

Ông Lê Văn Đ đề nghị công nhận quyền sử dụng đất khu đất ông đang cải tạo, san lấp tại đồng Thăng, đồng Choe, phường R có diện tích 24.292,5m² do ông đã sử dụng đất để trồng cây từ năm 1993.

Theo bản đồ địa chính phường R đo đạc theo chỉ thị 364/CT của Chính phủ, phê duyệt năm 1993, các thửa đất ông Đ đang san lấp, trồng tại xứ đồng Thăng, đồng Choe, vị trí đất xác định thuộc một phần các thửa 125, 126, 127, 170 và một phần thửa 129, 159, 160 tờ bản đồ số 1, do UBND phường R quản lý (BL 66). Trích bản đồ địa chính phường R đo vẽ năm 2011, địa chỉ thửa đất làng Đông Sơn, tại thửa số 01, 03, 05 tờ Bản đồ số 19, nơi ông Đ đang canh tác có chủ sử dụng đất là UBND phường R (BL 68).

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện quá trình quản lý đất từ năm 1976 đến nay được thể hiện như sau:

Năm 1976 đến năm 1981, Công ty Giống cây trồng lâm nghiệp sử dụng. Đến năm 1981, UBND tỉnh Thanh Hóa giao đất cho Công ty tại địa điểm khác nên Công ty trả lại cho phường R quản lý. Năm 1984 và năm 1985, Công ty Than Thanh Hóa vào khai thác bùn để làm than tổ ong. Từ năm 1985 đến năm 1992, khu vực núi hang Cả giáp với địa bàn xã Đông Cương nỗ mìn, khai thác đá trái phép nên khu vực này không canh tác, sản xuất nông nghiệp. Năm 1992, UBND thị xã Thanh Hóa có quyết định ngừng việc khai thác đá. Năm 1994, UBND phường R giao cho Trại giam Thanh Lâm quản lý để tăng gia sản xuất. Đến năm 1998, Trại giam Thanh Lâm trả lại đất cho UBND phường R quản lý.

Tháng 5/2002, UBND phường R ký hợp đồng với chủ cơ sở Bắc Thành để thực hiện dự án Cá lú trên khu vực xứ đồng Thăng, đồng Choe làng Đông Sơn với diện tích 50.000m². Đến tháng 11/2002, UBND tỉnh Thanh Hóa thu hồi giao cho Công ty Cổ phần du lịch Kim Quy thuê tại Quyết định số 3777/QĐ-CT ngày 13/11/2002 với diện tích tại phường R là 405.821m², trong đó có số diện tích của đơn vị Bắc Thành đã hợp đồng với phường R tại xứ đồng Thăng, đồng Choe làng Đông Sơn.

Qua 6 năm được UBND tỉnh giao đất Công ty Cổ phần du lịch Kim Quy không triển khai thực hiện được. Tháng 8/2008, UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết

định số 309/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần diện tích đất của Công ty Cổ phần du lịch Kim Quy giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Thanh Hóa quản lý theo quy hoạch, trong đó số diện tích của phường R là 182.537m² (gồm các thửa đất xứ đồng Thăng, đồng Choe làng Đông Sơn). Đến ngày 29/3/2011, UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 957/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Thanh Hóa giao cho UBND thành phố X quản lý theo quy hoạch và pháp luật.

Ông Lê Văn Đ cho rằng khu đất ông đang cải tạo, san lấp có nguồn gốc sử dụng từ trước năm 1990, trước khi sử dụng ông đã có đơn xin phép UBND phường R. Khi thực hiện dự án PAM 4303, mục đích là phủ xanh đất trống đồi núi trọc, môi trường sinh thái kết hợp giải quyết công ăn việc làm và xóa đói giảm nghèo. Sau khi trồng cây xong, ông có đề nghị UBND phường R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc đó ông Lương Văn Hán, nguyên chủ tịch UBND phường R yêu cầu ông chi 50% giá trị hỗ trợ dự án PAM cho UBND phường thì phường mới giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 16/6/1999 UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quyết định số 1105/QĐ-UBND về việc giao đất cho Ban quản lý vườn thực vật Hàm Rồng. Tại Điều 3 quyết định nêu rõ: Giao cho UBND thành phố X có trách nhiệm phải thu hồi đất theo quy định của pháp luật nhưng cho đến nay vẫn chưa thực hiện. Ông đã làm đơn nhiều lần nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết về quyền lợi cho ông. Tuy nhiên, ông Đ không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất nên việc ông nại chưa thu hồi đất đối với ông là không có cơ sở.

Ngoài ra, ông Đ có cung cấp các giấy tờ phô tô gồm: Đơn xin xác nhận trồng rừng lập ngày 01/4/2010; Danh sách các hộ trồng rừng theo dự án PAM 4304 lập năm 1993, trong đó có ông Đ trồng rừng tại lô số 27; Hợp đồng trồng cây vườn thực vật Hàm Rồng với Ban Quản lý vườn thực vật Hàm Rồng lập ngày 15/8/2000. Theo nội dung hợp đồng thống nhất cho ông Lê Văn Đ trồng cây của dự án vào diện tích đất rừng đang quản lý tại các lô 15,16 và 6 khu vực Đồng Thông, Đồng Thăng. Kết quả đo đạc theo các mốc giới do ông Lê Văn Đ xác định trên thực địa, khu vực ông Đ đang san lấp, cải tạo có diện tích: 24.295,5m² các thửa: 126,127, 170; một phần thửa 125, 129, 158, 160, BĐ địa chính phường R phê duyệt năm 1993) và khu đất đang trồng cây chạy dọc theo chân núi Con mèo có diện tích: 2.986m² (thuộc một phần các thửa: 169, 210, 211 BĐ địa chính phường R phê duyệt năm 1993). Vị trí ông Lê Văn Đ đang cải tạo, san lấp không thuộc các lô 15,16 và 6 ông Đ đã sử dụng trồng cây được Ban Quản lý vườn thực vật Hàm Rồng xác nhận đã quản lý, trồng cây từ tháng 7/1992 (thể hiện trong Hợp đồng trồng cây vườn thực vật Hàm Rồng với Ban Quản lý vườn thực vật Hàm Rồng lập ngày 15/8/2000). Ông Đ không có hồ sơ, tài liệu chứng minh ông Đ đã sử dụng đất trước năm 1990 như ông đã trình bày.

[5.2]. Đối với Quyết định số 8469/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 (đính chính lại theo theo quyết định số 9927/QĐ-UBND ngày 05/11/2019):

Ngày 01/6/2018, Hạt kiểm lâm phối hợp cùng cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra và lập biên bản số 0001531/BB-TGTVPTGPCC, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với việc khai thác rừng trái phép của hộ ông Lê Văn Đ. Vị trí khai thác tại lô 6, khoảnh 1, tiểu khu 363H, đã được quy hoạch rừng đặc dụng tại Quyết định số 1105/QĐ-UB ngày 16/6/1999 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa hiện đang giao cho Ban quản lý, di tích, lịch sử Hàm Rồng quản lý. Ông Đ đã dùng cưa xăng và dao chặt hạ 21 cây gỗ Keo có đường kính gốc từ 13 đến 35 cm, trên diện tích đất rừng 0,044ha. Khối lượng: 3,312m³ gỗ tròn.

Khu vực ông Đ khai thác gỗ là rừng đặc dụng nên khi khai thác phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho phép khai thác. Ông Đ nại rằng ông đã nộp đơn đến các cơ quan chức năng xin phép nhưng không được trả lời. Mặt khác, ông Đ cho rằng khu rừng ông khai thác là rừng của ông, cây của ông nên ông có quyền khai thác. Nhưng ông Đ không có các tài liệu chứng cứ chứng minh khu rừng ông khai thác là rừng của ông cũng không chứng minh được ông đã nộp đơn đến các cơ quan có thẩm quyền nhưng không được phê duyệt.

Khi khai thác số gỗ trên, ông Đ không xuất trình được thủ tục của cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép khai thác. Hành vi của ông Đ đã vi phạm Điều 12 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Điều 52 Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng; Điều 21 Nghị định 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010; khoản 2 Điều 20 Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý rừng và điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Tổ công tác đã lập Biên bản kiểm tra hiện trường số 0001531 ngày 01/6/2018, ông Đ đã ký vào biên bản. Ngày 18/6/2018, Chủ tịch UBND thành phố X đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4860/QĐ-XPVPHC, xử phạt đối với ông Lê Văn Đ phạt chính phạt tiền 40.000.000đ; phạt bổ sung: Tịch thu 80 khúc gỗ Keo, khối lượng: 3,312m³ nhập tài sản Nhà nước. Không đồng ý với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4860/QĐ-XPVPHC ngày 18/6/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố X nên ông Đ khiếu nại yêu cầu hủy Quyết định số 4860/QĐ-XPVPHC ngày 18/6/2018. Tuy nhiên như phân tích trên thì Chủ tịch UBND Thành phố X ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4860/QĐ-XPVPHC ngày 18/6/2018 là có cơ sở. Do vậy, Quyết định số 8469/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố X là đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc ông Đ yêu cầu bồi thường số gỗ là 3,312m³. Xét thấy, số gỗ 3,312m³ là tang vật vi phạm hành chính nên tịch thu nhập tài sản Nhà nước; căn cứ điểm a khoản 7 Điều 12; điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Ngoài ra, ông Đ đề nghị Tòa án buộc UBND Thành phố X bồi thường thiệt hại gây ra gồm: Hàng chục nhân công thường xuyên không thực hiện lao động được. Phương tiện máy móc sản xuất (Ô tô, máy móc sản xuất) thường xuyên không triển khai thực hiện được gây hậu quả nghiêm trọng trong bồi thường các ca máy. Cây giống không triển khai làm đất được lỡ thời vụ (hỏng và chết hàng loạt gây thiệt hại) gồm Đào 500 cây, Mít 300 cây, Vú sữa 300 cây. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cùng với việc Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để ông Đ nộp các tài liệu chứng minh thiệt hại trên nhưng ông Đ không có bất cứ tài liệu nào nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích tại các mục [5.1] và [5.2] trên Chủ tịch UBND thành phố X ban hành quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 và Quyết định số 4860/QĐ-XPVPHC ngày 27/9/2018 về giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Đ là đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đ về việc hủy hai Quyết định trên và không chấp nhận về việc ông Đ yêu cầu UBND thành phố X bồi thường.

[6]. Về án phí: Yêu cầu của ông Lê Văn Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, 3 Điều 158; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính. Điều 12 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Điều 52 Nghị định số 23/3006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng; Điều 21 Nghị định 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010; khoản 2 Điều 20 Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý rừng và điểm a khoản 3, điểm a khoản 7 Điều 12; điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về việc bồi thường 7,429m³ gỗ;

2. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn Đ về yêu cầu:

- Hủy quyết định số 8469/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 (đính chính lại theo quyết định số 9927/QĐ-UBND ngày 05/11/2019). Buộc UBND thành phố X bồi thường thiệt hại như sau: Bồi thường nhiều lần thành lập đoàn vào ngăn cản gây thiệt hại tới nhân công, máy móc phải dừng lại không hoạt động sản xuất được; bồi thường tài sản gỗ là 3,312m³.

- Hủy Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố X. Buộc UBND Thành phố X bồi thường thiệt hại gây ra gồm: Hàng chục nhân công thường xuyên không thực hiện lao động được. Phương tiện máy móc sản xuất (Ô tô, máy móc sản xuất) thường xuyên không triển khai thực hiện được gây hậu quả nghiêm trọng trong bồi thường các ca máy. Cây giống không triển khai làm đất được lỡ thời vụ (hỏng và chết hàng loạt gây thiệt hại) gồm Đào 500 cây, Mít 300 cây, Vú sữa 300 cây.

3. Về án phí: Ông Lê Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0006999 ngày 23/3/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P10);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thủy